

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý IV năm 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.018.513.263.495</b>	<b>1.011.887.870.612</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>295.184.220.371</b>	<b>406.466.089.611</b>
1. Tiền	111		83.184.220.371	74.666.089.611
2. Các khoản tương đương tiền	112		212.000.000.000	331.800.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>82.368.785.453</b>	<b>104.466.811.297</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	79.474.306.043	98.526.145.641
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	974.618.300	1.478.547.828
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.919.861.110	4.462.117.828
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>627.808.272.221</b>	<b>479.769.402.418</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	639.411.733.235	487.776.549.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(11.603.461.014)	(8.007.147.054)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.151.985.450</b>	<b>21.185.567.286</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	698.071.015	543.240.794
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.078.077.597	20.627.620.238
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		375.836.838	14.706.254

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>190.924.030.432</b>	<b>210.700.709.156</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>188.271.460.335</b>	<b>208.033.006.102</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	167.190.020.274	179.850.208.042
<i>Nguyên giá</i>	222		470.655.622.376	452.598.676.806
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(303.465.602.102)	(272.748.468.764)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	19.991.876.051	21.073.165.157
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	33.490.882.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13.499.006.087)	(12.417.716.981)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	1.089.564.010	7.109.632.903
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.824.000.000</b>	<b>1.824.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>828.570.097</b>	<b>843.703.054</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		103.687.500	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	724.882.597	843.703.054
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.209.437.293.927</b>	<b>1.222.588.579.768</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>771.511.494.431</b>	<b>813.138.206.617</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>771.511.494.431</b>	<b>813.138.206.617</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	311.809.715.461	298.051.716.360
2. Phải trả người bán	312	V.14	401.398.265.316	469.372.865.428
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	8.432.179.090	5.920.060.152
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	11.365.993.320	8.008.885.325
5. Phải trả người lao động	315	V.17	26.007.699.988	20.132.761.667
6. Chi phí phải trả	316	V.18	2.951.127.605	2.033.412.983
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.750.994.650	2.433.117.874
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	6.795.519.001	7.185.386.828
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>437.925.799.496</b>	<b>409.450.373.151</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>437.925.799.496</b>	<b>409.450.373.151</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	120.523.149.443	114.197.281.407
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	18.980.200.000	18.980.200.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	108.620.450.053	86.470.891.744
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.209.437.293.927</b>	<b>1.222.588.579.768</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		50.989.732.829	41.474.618.540
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.753,04	5.477,36
Euro (EUR)		-	-
...			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2015

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập

*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 31.12.2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Quý 4 năm 2014**

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2014		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.016.046.983.868	1.279.325.510.204	4.130.532.452.302	4.301.846.575.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.305.136.884	2.733.793.712	7.154.086.577	10.767.351.626
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.013.741.846.984	1.276.591.716.492	4.123.378.365.725	4.291.079.223.546
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	859.117.225.161	1.166.962.579.836	3.694.420.727.772	3.874.855.744.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		154.624.621.823	109.629.136.656	428.957.637.953	416.223.479.015
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.786.227.075	7.883.031.237	18.073.705.815	20.450.394.365
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.042.809.469	2.400.721.022	8.645.630.793	8.710.720.474
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.391.724.224	2.400.631.467	7.692.796.387	8.478.789.876
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	92.651.997.921	77.886.510.861	320.017.791.538	305.430.904.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.951.160.436	12.872.879.953	42.306.237.257	40.643.930.928
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.764.881.072	24.352.056.057	76.061.684.180	81.888.317.601
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.480.203.222	507.420.539	3.754.862.161	4.374.339.982
12. Chi phí khác	32	VI.8	59.173.491	-	112.160.426	54.378.263
13. Lợi nhuận khác	40		1.421.029.731	507.420.539	3.642.701.735	4.319.961.719
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.185.910.803	24.859.476.596	79.704.385.915	86.208.279.320
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		11.336.782.723	6.721.631.870	16.326.885.095	20.231.369.066
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		59.410.228	59.410.228	118.820.457	118.820.457
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.789.717.852	18.078.434.498	63.258.680.363	65.858.089.797
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.254	952	3.333	3.470



Nguyễn Phương Thảo  
Người lập



Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



TP. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.704.385.915	86.208.279.320
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	33.152.878.270	34.729.359.272
- Các khoản dự phòng	03		3.596.313.960	(7.519.035.671)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(217.004)	89.555
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(631.896.702)	(601.167.192)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.692.796.387	8.478.789.876
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		123.514.260.826	121.296.315.160
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.075.912.151	(21.268.458.539)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(151.635.183.763)	(12.521.946.536)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(59.925.619.962)	67.931.627.805
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(258.517.721)	696.510.592
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.949.708.627)	(8.363.256.857)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(11.711.734.242)	(21.499.487.496)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		534.700.000	1.672.144.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(4.807.101.845)	(3.519.066.935)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(83.162.993.183)</b>	<b>124.424.381.194</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.194.911.799)	(11.205.694.008)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	296.363.637	262.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	384.000.000	384.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.514.548.162)</b>	<b>(10.559.239.463)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	2.679.388.245.856	2.100.102.715.471
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(2.665.630.246.755)	(1.977.691.856.399)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	PL	(30.362.544.000)	(30.362.544.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(16.604.544.899)</b>	<b>92.048.315.072</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(111.282.086.244)</b>	<b>205.913.456.803</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>406.466.089.611</b>	<b>200.552.722.363</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	217.004	(89.555)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>295.184.220.371</b>	<b>406.466.089.611</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4/9 tháng 01 năm 2015

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



*Hà Bình Sơn*

Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc



# **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2014

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2014

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng nhưng hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

## 2. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này quy định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các quy định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

## 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

## 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

#### 10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### 11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức lương đóng BHXH trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

### 12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

### 14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	-
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 18. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

#### *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### **19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị gốc phát sinh trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.342.531.250	673.219.408
Tiền gửi ngân hàng	81.841.689.121	73.992.870.203
Các khoản tương đương tiền	212.000.000.000	331.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>295.184.220.371</u></b>	<b><u>406.466.089.611</u></b>

#### 2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	730.124.050	439.047.828
Ứng trước cho hoạt động khác	244.494.250	1.039.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>974.618.300</u></b>	<b><u>1.478.547.828</u></b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.919.861.110	3.826.805.150
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	-	635.312.678
<b>Cộng</b>	<b><u>1.919.861.110</u></b>	<b><u>4.462.117.828</u></b>

#### 5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	10.289.946.206	5.045.486.645
Nguyên liệu, vật liệu	471.272.758.072	298.295.053.052
Công cụ, dụng cụ	510.503.990	343.557.966
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.961.461.058	47.783.989.399
Thành phẩm	109.993.733.127	132.049.807.715
Hàng hóa	383.330.782	4.258.654.695
<b>Cộng</b>	<b><u>639.411.733.235</u></b>	<b><u>487.776.549.472</u></b>

Một phần hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.13).

#### 6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá cho nguyên liệu	(6.414.197.746)	-
Dự phòng giảm giá cho bán thành phẩm	(3.800.431.172)	-
Dự phòng giảm giá cho thành phẩm	(1.388.832.096)	(8.007.147.054)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		
<b>Cộng</b>	<b>(11.603.461.014)</b>		<b>(8.007.147.054)</b>		
<b>7. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>					
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		
Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ	587.536.470		457.584.794		
Chi phí thuê kho, thuê kệ trả trước	110.534.545		85.656.000		
<b>Cộng</b>	<b>698.071.015</b>		<b>543.240.794</b>		
<b>8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>					
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	158.571.534.399	284.887.238.488	7.169.136.758	1.970.767.161	452.598.676.806
Tăng trong kỳ	7.191.541.777	8.974.040.415	3.118.706.139	175.580.000	19.459.868.331
<i>Mua sắm mới</i>	-	1.140.018.182	2.703.804.545	-	3.843.822.727
<i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	7.191.541.777	7.834.022.233	414.901.594	175.580.000	15.616.045.604
Giảm trong kỳ	(292.612.000)	(134.550.000)	(975.760.761)	-	(1.402.922.761)
<i>Thanh lý</i>	(292.612.000)	(134.550.000)	(975.760.761)	-	(1.402.922.761)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>165.470.464.176</b>	<b>293.726.728.903</b>	<b>9.312.082.136</b>	<b>2.146.347.161</b>	<b>470.655.622.376</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.304.141.583	71.033.818.188	2.251.985.639	1.883.650.161	98.473.595.571
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	74.947.916.806	190.998.925.062	4.886.310.330	1.915.316.566	272.748.468.764
Tăng trong kỳ	11.609.590.244	19.363.573.107	1.052.031.716	46.394.097	32.071.589.164
<i>Khấu hao</i>	11.609.590.244	19.363.573.107	1.052.031.716	46.394.097	32.071.589.164
Giảm trong kỳ	(292.612.000)	(86.083.065)	(975.760.761)	-	(1.354.455.826)
<i>Thanh lý</i>	(292.612.000)	(86.083.065)	(975.760.761)	-	(1.354.455.826)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>86.264.895.050</b>	<b>210.276.415.104</b>	<b>4.962.581.285</b>	<b>1.961.710.663</b>	<b>303.465.602.102</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	83.067.093.956	92.654.791.043	5.210.336.733	51.094.745	179.850.208.042
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>79.205.569.126</b>	<b>83.450.313.799</b>	<b>4.349.500.851</b>	<b>184.636.498</b>	<b>167.190.020.274</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình</b>					
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>		
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.970.882.138</b>	<b>520.000.000</b>	<b>33.490.882.138</b>		
<i>Trong đó:</i>					



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000	
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	11.897.716.981	520.000.000	12.417.716.981	
Khấu hao trong kỳ	1.081.289.106	-	1.081.289.106	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.979.006.087</b>	<b>520.000.000</b>	<b>13.499.006.087</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	21.073.165.157	-	21.073.165.157	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.991.876.051</b>	-	<b>19.991.876.051</b>	
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	
Đang chờ thanh lý	-	-	-	
<b>10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>				
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>		
Tại NMD Phú Mỹ	18.000.000	354.566.820		
Tại NMD Vinh	1.071.564.010	6.755.066.083		
<b>Cộng</b>	<b>1.089.564.010</b>	<b>7.109.632.903</b>		
<b>11. Đầu tư dài hạn khác</b>				
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>		
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000
<b>12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.				
<b>13. Vay và nợ ngắn hạn</b>				
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	171.031.179.068	140.214.708.881		
Ngân hàng TNHH MTV HSBC VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	27.367.961.885		
Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	140.778.536.393	130.469.045.594		
<b>Cộng</b>	<b>311.809.715.461</b>	<b>298.051.716.360</b>		

<sup>(i)</sup> Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0253/KH/13NH ngày 10 tháng 10 năm 2013 và bản sửa đổi số 01/CV-0253/KH/13NH ngày 03/09/2014 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 150.000.000.000 VND
- Thời gian vay : 1 năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 14.2120027/HĐHMTD ngày 3 tháng 9 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : tối đa 4 tháng (theo từng Giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Giấy nhận nợ cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

### 14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN	356.358.190.793	424.035.833.253
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	574.801.345	1.157.849.198
Các nhà cung cấp khác	44.465.273.178	44.179.182.977
<b>Cộng</b>	<b>401.398.265.316</b>	<b>469.372.865.428</b>

### 15. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.623.953.031	(4.623.953.031)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	52.407.719.901	(52.407.719.901)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	20.117.804.953	(20.117.804.953)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.721.631.870	16.326.885.095	(11.711.734.242)	11.336.782.723
Thuế thu nhập cá nhân	1.287.103.455	2.358.303.695	(3.616.246.553)	29.160.597
Thuế tài nguyên	150.000	900.000	(1.000.000)	50.000
Thuê đất, thuế đất	-	671.730.749	(671.730.749)	-
Thuế khác	-	28.224.600	(28.224.600)	-
<b>Cộng</b>	<b>8.008.885.325</b>	<b>96.535.522.024</b>	<b>(93.178.414.029)</b>	<b>11.365.993.320</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2014 là 22%

Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2014.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.704.385.915	86.208.279.320
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.230.722.162	5.448.403.814
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(606.062.140)</u>	<u>(606.062.140)</u>
Thu nhập chịu thuế	83.329.045.937	91.050.620.994
Thu nhập được miễn thuế	<u>(384.000.000)</u>	<u>(384.000.000)</u>
Thu nhập tính thuế	82.945.045.937	90.666.620.994
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	18.247.910.106	22.666.655.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng	<u>(1.921.025.011)</u>	<u>(2.435.286.183)</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b><u>16.326.885.095</u></b>	<b><u>20.231.369.066</u></b>

**Tiền thuế đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**17. Phải trả người lao động**

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

**18. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	105.802.717	362.714.957
Chi phí trích trước khác (CP bán hàng)	2.845.324.888	1.670.698.026
<b>Cộng</b>	<b><u>2.951.127.605</u></b>	<b><u>2.033.412.983</u></b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	3.034.000	17.691.000
Kinh phí công đoàn	1.020.213.650	810.335.874
Cổ tức phải trả	59.907.000	54.131.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.637.840.000	1.520.960.000
Các khoản phải trả khác	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.750.994.650</u></b>	<b><u>2.433.117.874</u></b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	5.333.385.043	3.360.622.679	2.300.000	(4.293.485.000)	4.402.822.722
Quỹ phúc lợi	1.852.001.785	1.054.311.339	0	(513.616.845)	2.392.696.279
<b>Cộng</b>	<b><u>7.185.386.828</u></b>	<b><u>4.414.934.018</u></b>	<b><u>2.300.000</u></b>	<b><u>(4.807.101.845)</u></b>	<b><u>6.795.519.001</u></b>

**21. Vốn chủ sở hữu**

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.016.046.983.868</b>	<b>1.279.325.510.204</b>
Doanh thu bán hàng hóa	3.526.221.280	13.295.716.095
Doanh thu bán thành phẩm	1.012.520.762.588	1.266.029.794.109
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(2.305.136.884)</b>	<b>(2.733.793.712)</b>
Giảm giá hàng bán	-	(2.206.856.900)
Hàng bán bị trả lại	(2.305.136.884)	(526.936.812)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.013.741.846.984</b>	<b>1.276.591.716.492</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	3.526.221.280	13.295.716.095
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.010.215.625.704	1.263.296.000.397

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.888.906.948	13.860.529.200
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	855.228.318.213	1.153.102.050.636
<b>Cộng</b>	<b>859.117.225.161</b>	<b>1.166.962.579.836</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	5.527.875.709	7.681.062.290
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	258.134.362	201.968.947

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	217.004	-
<b>Cộng</b>	<b>5.786.227.075</b>	<b>7.883.031.237</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Kỳ này/Năm nay</b>	<b>Kỳ này/Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	1.391.724.224	2.400.631.467
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	651.085.245	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	89.555
<b>Cộng</b>	<b>2.042.809.469</b>	<b>2.400.721.022</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Kỳ này/Năm nay</b>	<b>Kỳ này/Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	7.239.219.092	6.014.458.637
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	493.356.015	623.801.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.953.640	164.202.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.062.252.281	17.381.812.604
Chi phí khác	65.712.216.893	53.702.235.207
<b>Cộng</b>	<b>92.651.997.921</b>	<b>77.886.510.861</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Kỳ này/Năm nay</b>	<b>Kỳ này/Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	6.073.824.226	6.387.746.934
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	321.991.244	429.594.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.413.908	220.020.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.235.303.694	3.094.838.644
Chi phí khác	4.042.627.364	2.740.679.623
<b>Cộng</b>	<b>12.951.160.436</b>	<b>12.872.879.953</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Kỳ này/Năm nay</b>	<b>Kỳ này/Năm trước</b>
Thu tiền thanh lý TSCĐ	256.363.637	-
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	50.758.000	79.242.191
Xử lý chênh lệch thừa nguyên liệu, hàng hóa	757.952.139	-
Thu nhập khác	415.129.446	428.178.348
<b>Cộng</b>	<b>1.480.203.222</b>	<b>507.420.539</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<b>Kỳ này/Năm nay</b>	<b>Kỳ này/Năm trước</b>
Chi phí thanh lý tài sản	3.909.091	-
Chi phí khác	55.264.400	-
<b>Cộng</b>	<b>59.173.491</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.789.717.852	18.078.434.498
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.789.717.852	18.078.434.498
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.254</b>	<b>952</b>

#### \* Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên 10% so với cùng kỳ:

Lợi nhuận kế toán sau thuế kỳ này tăng 24.711.283.354 VNĐ so với cùng kỳ năm trước (tăng 136.69 %). Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Giá nguyên liệu đầu vào giảm so cùng kỳ cho nên giá vốn hàng bán giảm, lợi nhuận gộp tăng 44.995.484.867 đồng.
- Trong kỳ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 5.281.977.110 đồng (Quý 4/2013 là 829.768.070 đồng).

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.120.127.488.026	2.270.326.446.843
Chi phí nhân công	29.295.130.513	31.448.525.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.247.597.797	7.926.999.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.532.659.223	34.654.193.266
Chi phí khác	69.754.844.257	56.442.914.830
<b>Cộng</b>	<b>1.259.957.719.816</b>	<b>2.400.799.080.438</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam</b>		
Bán thành phẩm	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ này/Năm trước</u>
Mua nguyên liệu	682.366.062.280	682.951.630.300
<i>Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật</i>		
Mua bao bì, chi phí gia công phải trả	1.226.824.073	2.069.364.490
<i>Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình</i>		
Bán thành phẩm	179.450.000	63.869.000
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình</i>		
Bán thành phẩm	66.137.500	-
Cộng nợ phải thu	<u>66.137.500</u>	<u>-</u>
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV</i>		
Mua nguyên liệu	356.358.190.793	424.035.833.253
<i>Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật</i>		
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	574.801.345	1.157.849.198
Cộng nợ phải trả	<u>356.932.992.138</u>	<u>425.193.682.451</u>

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2015

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



*Hà Bình Sơn*  
Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Lợi nhuận trong năm trước					65.858.089.797	65.858.089.797
Trích lập các quỹ năm trước		6.585.808.980		569.359.035	(10.448.072.505)	(3.292.904.490)
Chuyển trình bày lại số dư quỹ			(8.102.230.959)	8.102.230.959		-
Chi thường năm trước					(1.035.000.000)	(1.035.000.000)
Chia cổ tức năm trước					(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>189.802.000.000</b>	<b>114.197.281.407</b>	<b>-</b>	<b>18.980.200.000</b>	<b>86.470.891.744</b>	<b>409.450.373.151</b>
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	114.197.281.407	-	18.980.200.000	86.470.891.744	409.450.373.151
Lợi nhuận trong kỳ này					63.258.680.363	63.258.680.363
Trích lập các quỹ trong kỳ này		6.325.868.036			(9.488.802.054)	(3.162.934.018)
Chia cổ tức trong kỳ này					(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Chi thường Ban điều hành					(1.252.000.000)	(1.252.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>189.802.000.000</b>	<b>120.523.149.443</b>	<b>-</b>	<b>18.980.200.000</b>	<b>108.620.450.053</b>	<b>437.925.799.496</b>

*Nhữ*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

*Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2015